

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt đề cương và dự toán chi phí
đo đạc bản đồ địa chính, cắm mốc GPMB
công trình: Khu bảo tồn văn hoá dân tộc S'tiêng sok Bom Bo**

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 100/2006/QĐ-UBND ngày 05/10/2006 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá xây dựng công trình tỉnh Bình Phước - Phần khảo sát xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 16/2009/QĐ-UBND ngày 28/5/2009 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 299/TTr-STNMT ngày 31/5/2010, theo Tờ trình số 31/TTr-BQL ngày 25/5/2010 của Ban quản lý dự án Khu bảo tồn văn hoá dân tộc S'tiêng sok Bom Bo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề cương và dự toán đo đạc bản đồ địa chính, cắm mốc GPMB công trình: Khu bảo tồn văn hoá dân tộc S'tiêng sok Bom Bo, cụ thể như sau:

1. Khối lượng thực hiện:

- Đo nối điểm địa chính bằng phương pháp điểm đường chuyền, mức khó khăn 3, khối lượng 30 điểm;
- Đo đạc lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000, khó khăn 3, diện tích 105 ha;
- Trích lục tách sổ khoảng 100 thửa;
- Cắm mốc ranh: 57 mốc, cấp địa hình 4.

2. Tổng dự toán:

- Chi phí đo đạc địa chính: 407.442.000 đồng.
- Chi phí cắm mốc ranh: 181.056.000 đồng.

Tổng cộng: 588.498.000 đồng.

(Năm trăm tám mươi tám triệu, bốn trăm chín mươi tám ngàn đồng)

(Có dự toán chi tiết kèm theo)



Điều 2. Ban quản lý dự án Khu bảo tồn văn hóa dân tộc S'tiêng sok Bom Bo có trách nhiệm triển khai thực hiện các bước tiếp theo theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Bù Đăng; Trưởng ban Ban quản lý dự án Khu bảo tồn văn hoá dân tộc S'tiêng sok Bom Bo và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, PCT;
- Như điều 3;
- LĐVP, CV: P. SX (T194);
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bai Văn Danh

DỰ TOÁN CHI PHÍ ĐO ĐẠC LẬP BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH, CẤM MỐC GPMB

Dự án bảo tồn văn hóa Sóc Bom Bo

Địa điểm xây dựng: Bình Minh, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

(Kèm theo Quyết định số 443/QĐ-UBND ngày 24 / 6 / 2010 của UBND tỉnh Bình Phước)

I. CHI PHÍ ĐO ĐẠC VÀ LẬP BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH

MHĐG	Hạng mục	ĐVT	Khối lượng	Cách tính	Thành tiền (đồng)
I	Chi phí trực tiếp đo đạc lập bản đồ địa chính				303.574.035
1	Đo nối điểm địa chính bằng phương pháp điểm đường chuyền	điểm	30,0	Khối lượng * 1.487.816 đồng/điểm	44.634.480
2	Bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000	Đồng / ha	105,0	Khối lượng * 2.466.091 đồng /ha	258.939.555
II	Chi phí khảo sát thiết kế lập - dự toán				18.214.442
	Ngoại nghiệp		4% chi phí trực tiếp		12.142.961
	Nội nghiệp		2% chi phí trực tiếp		6.071.481
III	Chi phí kiểm tra nghiệm thu				22.525.193
	Ngoại nghiệp		4% chi phí trực tiếp+ chi phí chung		12.871.539
	Nội nghiệp		3% chi phí trực tiếp+ chi phí chung		9.653.654
IV	Chi phí chịu thuế tính trước		5% chi phí trong đơn giá		15.178.702
	Chi phí đo đạc lập bản đồ địa chính trước thuế (I+II+III+IV)				359.492.372
	Chi phí đo đạc lập bản đồ địa chính sau thuế				395.441.609
V	Chi phí lệ phí trước bạ				
1	Lệ phí trước bạ cho 100 hộ	Đồng /hồ sơ	100,0	Khối lượng*120.000đồng /hồ sơ	12.000.000
	Cộng				407.442.000



II. CHI PHÍ CẢM MỐC RANH

MHĐG	Hạng mục	Cấp địa hình	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá			Thành tiền		
					VL	NC	MTC	VL	NC	MTC
CK.0430 4	Cắm mốc giải phóng mặt bằng vùng lõi xây dựng công trình với diện tích 70 ha (tính tương đương đường chuyên cấp 2)	IV	điểm	57,0	24.422	637.420	14.310	1.392.054	36.332.940	815.670
	Cộng							1.392.054	36.332.940	815.670
Chi phí vật liệu theo đơn giá							VL	a1		1.392.054
Chi phí nhân công theo đơn giá (Hệ số khu vực của xã Bình Minh Fkv = 0.5)							NC	1,857*b1*(1+0.5/2.493)		81.002.213
Chi phí máy thi công theo đơn giá							M	c1		815.670
Tổng cộng							T	VL+NC+M		83.209.937
Chi phí chung							C	70% x NC		56.701.549
Thu nhập chịu thuế tính trước							E	6% x (T+C)		8.394.689
Cộng chi phí trực tiếp							TT	T+C+E		148.306.175
Chi phí lập phương án, viết Báo cáo khảo sát							PA	5% x TT		7.415.309
Chi phí chỗ ở tạm thời							NT	5% x TT		7.415.309
Vận chuyển thiết bị và chở quân 2 chuyến bằng xe chuyên dụng Pajero (trong đơn giá KS-100)								2*729,750đồng/chuyến		1.459.500
Chi phí khảo sát địa hình trước thuế							G	TT+PA+NT		164.596.293
Thuế giá trị gia tăng							VAT	10% x G		16.459.629
Tổng cộng chi phí khảo sát địa hình sau thuế							K	G + VAT		181.056.000
Cộng										181.056.000